

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 21

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong năm phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kết toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Bá Trí
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số: 337/VDFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019, từ trang 3 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký HNKiT số 0458-2018-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký HNKiT
số 0985-2018-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		662.306.083.548	490.859.560.592
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	4	17.565.934.573	19.947.428.403
1. Tiền	111		17.565.934.573	19.947.428.403
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5	254.580.243.269	223.755.723.883
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		207.686.340.657	167.966.364.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.751.209.742	16.791.252.460
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.667.186.556	7.667.186.556
4. Các khoản phải thu khác	136		20.658.203.046	42.336.498.883
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.182.696.732)	(11.005.578.567)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		381.368.106.663	244.309.285.738
1. Hàng tồn kho	141		381.368.106.663	244.309.285.738
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		8.791.799.043	2.847.122.568
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.187.422.816	525.761.994
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.474.615.103	2.291.927.497
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		129.761.124	29.433.077
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.042.953.336	147.666.173.996
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		1.315.545.316	65.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.315.545.316	65.000.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		93.339.067.667	101.563.672.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	55.711.402.031	68.577.518.668
Nguyên giá	222		115.549.479.887	115.048.877.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.838.077.856)	(46.471.359.131)
2. Tài sản thuê tài chính	224		4.840.594.202	-
Nguyên giá	225		5.378.438.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(537.843.798)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	32.787.071.434	32.986.153.496
Nguyên giá	228		33.833.557.138	33.833.557.138
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.046.485.704)	(847.403.642)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		13.303.506.611	9.677.555.729
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.303.506.611	9.677.555.729
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		28.765.249.944	35.832.025.097
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	8	9.815.249.944	16.882.025.097
2. Đầu tư dài hạn khác	253	9	18.950.000.000	18.950.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		319.583.798	527.921.006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		319.583.798	527.921.006
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		799.349.036.884	638.525.734.588

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		512.796.716.172	384.258.221.864
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		436.202.579.294	352.924.964.973
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		125.958.934.669	85.683.419.609
2. Người mua trả tiền trước	312		113.240.946.990	97.103.097.924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	16.710.328.390	11.922.848.193
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.047.450.782	1.522.700.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		17.584.560.294	26.718.257.144
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	139.107.255.059	115.304.629.455
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12	6.956.937.373	5.040.993.490
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		9.596.165.737	9.629.019.158
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		76.594.136.878	31.333.256.891
1. Phải trả dài hạn khác	337		840.000.000	840.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	75.754.136.878	30.493.256.891
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.552.320.712	254.267.512.724
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		286.552.320.712	254.267.512.724
1. Vốn điều lệ	411	14	138.292.410.000	102.438.830.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		138.292.410.000	102.438.830.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.854.834.000	8.806.058.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		13.105.282.000	7.304.302.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.537.494.680	25.690.176.228
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.627.710.166	3.468.791.309
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		17.913.022.914	47.675.696.052
- LNST chưa phân phối đến c.kỳ trước	421a		4.156.308.838	29.984.907.115
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.756.714.076	17.690.788.937
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	16	75.221.566.952	58.883.659.135
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		799.349.036.884	638.525.734.588



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
1. Doanh thu bán hàng	01		796.595.859.345	676.287.537.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		76.160.700	-
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	17	796.519.698.645	676.287.537.905
4. Giá vốn hàng bán	11	18	636.569.706.762	553.852.062.552
5. Lợi nhuận gộp	20		159.949.991.883	122.435.475.353
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	217.600.794	86.527.386
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	20	12.240.633.471	9.746.670.204
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.002.158.470</i>	<i>9.142.501.396</i>
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	8	523.224.847	38.285.681
9. Chi phí bán hàng	25	22	20.733.711.740	12.707.644.788
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	66.959.412.043	47.036.967.194
11. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		60.757.060.270	53.069.006.234
12. Thu nhập khác	31		2.180.796.455	342.740.165
13. Chi phí khác	32		16.783.178.696	156.126.774
14. Lợi nhuận khác	40		(14.602.382.241)	186.613.391
15. Lãi kế toán trước thuế	50		46.154.678.029	53.255.619.625
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	13.283.141.862	11.161.893.179
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.871.536.167	42.093.726.446
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Cổ đông của Công ty	61		17.235.084.473	27.342.458.309
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		15.636.451.694	14.751.268.137
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	987	1.618



PHAN QUANG VINH
Kê toán trưởng
Ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Quỹ Đầu tư & Phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Lợi ích của cổ đồng thiếu số VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2017	93.126.840.000	12.936.448.000	-	732.970.028	19.644.328.137	46.937.354.049	26.432.368.189	199.810.308.403
Tăng vốn trong năm	9.311.990.000	-	7.304.302.000	-	-	(9.311.990.000)	32.456.600.000	39.760.902.000
Giảm vốn trong năm	-	(4.130.390.000)	-	-	-	-	(6.700.000.000)	(10.830.390.000)
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	27.342.458.309	14.751.268.137	42.093.726.446
Trích quỹ	-	-	-	3.605.821.281	6.045.848.091	(9.651.669.372)	-	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(7.640.456.931)	(1.448.989.712)	(9.089.446.643)
Chi từ quỹ	-	-	-	(870.000.000)	-	-	-	(870.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.607.587.479)	(6.607.587.479)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(3)	-	(3)
Tại ngày 31/12/2017	102.438.830.000	8.806.058.000	7.304.302.000	3.468.791.309	25.690.176.228	47.675.696.052	58.883.659.135	254.267.512.724
Tăng vốn trong năm	35.853.580.000	2.048.776.000	5.800.980.000	-	-	(35.853.580.000)	11.449.880.000	19.299.636.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	17.235.084.473	15.636.451.694	32.871.536.167
Trích quỹ	-	-	-	2.731.918.857	847.318.452	(3.478.370.397)	(100.866.912)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(2.898.464.235)	(1.442.515.621)	(4.340.979.856)
Chi từ quỹ	-	-	-	(1.573.000.000)	-	-	-	(1.573.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(5.121.941.500)	(9.362.648.687)	(14.484.590.187)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	354.598.521	157.607.343	512.205.864
Tại ngày 31/12/2018	138.292.410.000	10.854.834.000	13.105.282.000	4.627.710.166	26.537.494.680	17.913.022.914	75.221.566.952	286.552.320.712



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 28 tháng 3 năm 2019

NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1, Lãi trước thuế	01	46.154.678.029	53.255.619.625
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.763.431.574	10.896.592.428
Các khoản dự phòng	03	1.915.943.883	1.325.810.513
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	16.668.505.433	(67.729.851)
Chi phí lãi vay	06	12.002.158.470	9.142.501.396
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	91.504.717.389	74.552.794.111
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.904.276.351)	(12.486.707.684)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(137.697.687.129)	(66.285.060.110)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	51.095.949.706	16.999.936.511
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(443.596.341)	(93.510.568)
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.806.969.504)	(9.142.501.396)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.371.905.027)	(12.149.336.515)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	840.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.573.000.000)	(870.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.196.767.257)	(8.634.385.651)
II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(18.054.708.021)	(53.032.143.758)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.410.000.000)	(4.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	84.662.897	67.729.851
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.380.045.124)	(53.464.413.907)
III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp	31	13.498.656.000	21.626.210.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	372.015.201.344	273.777.970.403
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(330.833.948.606)	(230.075.500.472)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.484.590.187)	(6.607.587.479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.195.318.551	58.721.092.452
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.381.493.830)	(3.377.707.106)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.947.428.403	23.325.135.509
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.565.934.573	19.947.428.403



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0314092636, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2016 và đăng ký sửa đổi lần thứ năm (05) ngày 27/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Sản xuất máy thông dụng khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Sửa chữa máy móc thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; và, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Trụ sở đặt tại số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có 6 công ty con và 4 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỉ lệ sở hữu	Tỉ lệ b.quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hoàng Tâm	65,63%	65,63%	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh
Công ty TNHH Thương Mại AC&R Việt Nam	97,92%	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị
Công ty CP Công nghiệp Lạnh Hưng Trí	70,31%	70,31%	Lắp đặt hệ thống điều hòa
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	72,81%	72,81%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí	63,28%	63,28%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí	59,76%	59,76%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH IWATANI AC&R Việt Nam	35,00%	35,00%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt
Công ty TNHH Maviflex Châu Á	24,15%	24,15%	Sản xuất cửa kho lạnh
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh RECOM	50,41%	50,41%	Lắp đặt hệ thống điện
Công ty TNHH Kho lạnh Biển Sáng	44,06%	44,06%	Dịch vụ kho lạnh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 9 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	1.743.239.344	1.400.408.087
Tiền gửi ngân hàng	15.822.695.229	18.547.020.316
<i>VNĐ</i>	<i>13.233.791.186</i>	<i>16.895.924.429</i>
<i>USD</i>	<i>2.567.723.752</i>	<i>1.635.059.110</i>
<i>EUR</i>	<i>21.180.291</i>	<i>16.036.777</i>
	<u>17.565.934.573</u>	<u>19.947.428.403</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

		31/12/2018	01/01/2018
		<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	(1)	207.686.340.657	167.966.364.551
Trả trước cho người bán	(2)	30.751.209.742	16.791.252.460
Phải thu cho vay ngắn hạn	(3)	7.667.186.556	7.667.186.556
Phải thu khác	(4)	20.658.203.046	42.336.498.883
		<u>266.762.940.001</u>	<u>234.761.302.450</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn		<u>(12.182.696.732)</u>	<u>(11.005.578.567)</u>
		<u>254.580.243.269</u>	<u>223.755.723.883</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:		
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hoa Hồng	10.197.558.523	5.121.699.363
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	5.565.647.300	13.099.530.636
Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế La Maison	1.842.167.100	2.942.167.100
Công ty CP ĐTPPT Đô thị Long Giang	3.444.402.236	9.402.136.114
Công Ty TNHH CJ CGV Việt Nam	15.068.250.860	4.120.943.021
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Việt Phú An	9.832.036.436	6.727.336.010
Công ty Cổ phần Pacific Trường Thành	2.288.149.685	6.888.149.685
Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	61.600.000	4.561.452.500
Công ty CP Thực phẩm Xuất Khẩu Đồng Giao	10.833.647.350	1.705.450.000
Công ty Cổ phần Thủy sản Chất Lượng Vàng	28.940.889.065	28.940.889.065
Các khách hàng khác	119.611.992.102	84.456.611.057
	207.686.340.657	167.966.364.551
(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH IWATANI AC & R Việt Nam	-	130.804.596
Công ty TNHH Ưông Sung	3.428.000.000	1.364.000.000
Công ty CP TK XD TM Trang Trí Nội Thất Nhà Đô	6.000.000.000	-
Công ty CP ĐTPPT Đô thị Long Giang	4.985.506.245	3.597.303.150
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Bảo Thạch	-	5.908.446.800
Các khách hàng khác	16.337.703.497	5.790.697.914
	30.751.209.742	16.791.252.460
(3) Cho vay ngắn hạn		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH KM Phương Nam	6.228.597.283	6.228.597.283
Công ty TNHH Thanh Khiết	1.438.589.273	1.438.589.273
	7.667.186.556	7.667.186.556
(4) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu tạm ứng	8.000.000	18.000.000
Ký cược, ký quỹ	5.221.720.350	3.591.506.744
Phải thu ngắn hạn khác (*)	15.428.482.696	38.726.992.139
	20.658.203.046	42.336.498.883
(*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	4.630.050.000	4.630.050.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A Ba	8.454.000.000	31.999.000.000
Phải thu của các đối tượng khác	2.344.432.696	2.097.942.139
	15.428.482.696	38.726.992.139

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại 01/01/2018	100.342.262.296	6.813.204.131	6.032.250.366	1.861.161.006	115.048.877.799
Tăng	10.299.513.309	5.049.589.775	2.596.501.619	1.151.537.110	19.097.141.813
+ Mua trong năm	10.299.513.309	4.398.440.299	1.926.305.819	730.255.454	17.354.514.881
+ Tặng khác	-	651.149.476	670.195.800	421.281.656	1.742.626.932
Thanh lý	(540.000.000)	(2.123.144.996)	(280.000.000)	-	(2.943.144.996)
Giảm khác	(15.643.667.456)	(9.727.273)	-	-	(15.653.394.729)
Tại 31/12/2018	94.458.108.149	9.729.921.637	8.348.751.985	3.012.698.116	115.549.479.887

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2018	37.965.997.660	3.002.490.228	4.190.463.867	1.312.407.376	46.471.359.131
Khấu hao:	12.177.035.295	1.657.070.396	743.348.733	622.908.423	15.200.362.847
+ Trích trong năm	12.177.035.295	1.108.045.892	521.315.433	220.109.094	14.026.505.714
+ Tặng khác	-	549.024.504	222.033.300	402.799.329	1.173.857.133
Thanh lý	(130.500.000)	(859.330.504)	(46.666.668)	-	(1.036.497.172)
Giảm khác	(797.146.950)	-	-	-	(797.146.950)
Tại 31/12/2018	49.215.386.005	3.800.230.120	4.887.145.932	1.935.315.799	59.838.077.856

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2018	62.376.264.636	3.810.713.903	1.841.786.499	548.753.630	68.577.518.668
Tại 31/12/2018	45.242.722.144	5.929.691.517	3.461.606.053	1.077.382.317	55.711.402.031

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 5.904.343.347 VNĐ (31/12/2017: 5.070.111.684 VNĐ).

Công ty đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

+ 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 11 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận của Công ty.
+ 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 13 tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

ÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Tổng cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2018	32.425.857.136	1.407.700.002	33.833.557.138
Tăng trong năm	-	-	-
+ Mua trong năm	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại 31/12/2018	<u>32.425.857.136</u>	<u>1.407.700.002</u>	<u>33.833.557.138</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2018	-	(847.403.642)	(847.403.642)
Khấu hao trong năm	-	(199.082.062)	(199.082.062)
Giảm khác	-	-	-
Tại 31/12/2018	-	<u>(1.046.485.704)</u>	<u>(1.046.485.704)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2018	<u>32.425.857.136</u>	<u>560.296.360</u>	<u>32.986.153.496</u>
Tại 31/12/2018	<u>32.425.857.136</u>	<u>361.214.298</u>	<u>32.787.071.434</u>

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á	1.632.497.793	1.464.813.006
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	2.272.752.151	1.917.212.091
Công ty TNHH Kho lạnh Biển Sáng	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	1.410.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Lạnh Recom	-	9.000.000.000
	<u>9.815.249.944</u>	<u>16.882.025.097</u>
Công ty Cổ phần Maviflex Châu Á		
	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
	1.632.497.793	1.464.813.006
<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>1.014.240.000</i>	<i>1.014.240.000</i>
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	<i>618.257.793</i>	<i>450.573.006</i>
	<u>1.632.497.793</u>	<u>1.464.813.006</u>
	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng tài sản	10.860.094.634	16.935.982.323
Tổng công nợ	4.085.444.371	10.857.201.783
Tài sản thuần	6.774.650.263	6.078.780.540
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>1.632.497.793</u>	<u>1.464.813.006</u>
	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu	10.284.997.146	17.025.161.491
Lợi nhuận thuần	695.869.723	1.289.593.352
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>167.684.787</u>	<u>310.755.274</u>

ÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	2.272.752.151	1.917.212.091
<i>Giá trị đầu tư</i>	2.355.150.000	2.355.150.000
<i>Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</i>	(82.397.849)	(437.937.909)
	<u>2.272.752.151</u>	<u>1.917.212.091</u>
	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tổng tài sản	23.784.757.852	19.718.428.355
Tổng công nợ	17.280.323.874	14.231.521.451
Tài sản thuần	6.504.433.978	5.486.906.904
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	<u>2.272.752.151</u>	<u>1.917.212.091</u>
	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu	39.449.154.892	8.244.432.942
Lợi nhuận thuần	1.017.527.074	(779.786.076)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	<u>355.540.060</u>	<u>(272.469.593)</u>

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	8.950.000.000	8.950.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản An Phú	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>18.950.000.000</u>	<u>18.950.000.000</u>

Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của các Công ty này, do đó khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế Giá trị gia tăng	3.454.679.336	620.910.497
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.100.925.022	11.132.830.472
Thuế Thu nhập cá nhân	154.724.032	169.107.224
	<u>16.710.328.390</u>	<u>11.922.848.193</u>

11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	52.154.281.007	50.546.944.187
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	52.296.296.319	46.865.144.595
Ngân hàng Standard Chartered Bank	27.208.272.957	10.392.536.673
Vay các cá nhân	2.500.000.000	2.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	4.948.404.776	5.000.004.000
	<u>139.107.255.059</u>	<u>115.304.629.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận bao gồm 3 hợp đồng:

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1452090/HĐTD ký ngày 05/12/2017 của Công ty với hạn mức là 50.000.000.000 đồng và biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/2017/1452090/HĐTD – SĐ01 ngày 30/11/2018 gia hạn thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/01/2019. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

+ Hợp đồng vay ngắn hạn số 01/2018/3368456/HĐTD ký ngày 06/08/2018 của Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí với hạn mức là 30.000.000.000 Đồng. Khoản vay này chịu lãi suất và thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ và không quá 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC.

+ Hợp đồng ngắn hạn số 01/2018/1458165/HĐTD ký ngày 06/3/2018 của Công ty TNHH Hoàng Tâm với hạn mức là 20.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Bất động sản gồm nhà và đất tại số 51 Trần Phú, Quận 5, TP.HCM.

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130/2012/HĐ số đăng ký tại Ngân hàng: 01/1452090 ngày 26/4/2012, Biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3460/2015/1452090/HĐTD với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 VNĐ và biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng số 2627/2018/1452090/HĐTD ngày 03/12/2018 gia hạn thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/01/2019. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng (LC), bảo lãnh thanh toán và các bảo lãnh khác, thời hạn vay đến hết ngày 30/01/2019. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn rút vốn của Hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Giá trị TSĐB, phương thức xử lý TSĐB được thực hiện theo quy định tại hợp đồng đảm bảo tiền vay, đảm bảo tiền gửi: ký quỹ 10% giá trị bảo lãnh đối với tất cả các loại bảo lãnh bằng tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

Tại ngày 19/09/2016, Công ty đã ký thư cấp tín dụng ngắn hạn số BFL/092016-743 với Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) với hạn mức là 2.000.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư tín dụng, bảo lãnh thanh toán. Tài sản đảm bảo là hàng hóa tại kho hàng số A5/144H Tổ 5, Ấp 1, Xã Tân Nhựt, Huyện Bình Chánh, TP.HCM, chi tiết được ghi rõ trong hợp đồng thế chấp hàng hóa MA/092016-79.

12. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

ÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	11.192.000.000	9.750.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	833.315.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - ACB	4.394.750.271	-
Vay các cá nhân	60.167.386.607	19.909.941.891
	<u>75.754.136.878</u>	<u>30.493.256.891</u>

Tại ngày 06/3/2017, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức là 15.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán tiền mượn tạm từ cổ đông của công ty và thanh toán đợt cuối liên quan đến chi phí mua văn phòng làm việc tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 49 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Tại ngày 10/12/2018, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2018/1452090/HĐTĐ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với số tiền giải ngân là 658.000.000. Mục đích vay là để mua xe. Thời hạn vay là 36 tháng và lãi suất cho vay là 9%/năm.

Công ty đã ký hợp đồng thuê tài chính với công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê máy móc thiết bị với số tiền thuê là 5.795.414.346.

Khoản vay dài hạn cá nhân là khoản công ty vay tín chấp của cán bộ công nhân viên công ty với thời hạn vay là 24 tháng và lãi suất như sau: vay bằng VNĐ là 0,7%/tháng và USD là 0,25%/tháng hoặc không chịu lãi.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	4.948.404.776	5.000.004.000
Trong năm thứ hai	40.753.733.776	3.833.315.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	35.000.403.102	26.659.941.891
Sau năm năm	-	-
	<u>80.702.541.654</u>	<u>35.493.260.891</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(4.948.404.776)	(5.000.004.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>75.754.136.878</u>	<u>30.493.256.891</u>

14. VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty VNĐ 138.292.410.000 (năm 2017: 102.438.830.000 VNĐ). Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		Vốn thực góp			
	<u>VNĐ</u>	%	31/12/2018 <u>VNĐ</u>	%	01/01/2018 <u>VNĐ</u>	%
Ông Nguyễn Bá Trí	39.325.030.000	28,44	39.325.030.000	28,44	29.129.660.000	28,44
Ông Đặng Anh Tâm	12.774.280.000	9,24	12.774.280.000	9,24	8.231.480.000	8,04
Ông Bùi Quốc Hưng	21.630.860.000	15,64	21.630.860.000	15,64	15.950.730.000	15,57
Ông Fuco Rudyanto Chandra	13.754.030.000	9,95	13.754.030.000	9,95	10.188.180.000	9,95
Cổ đông khác	50.808.210.000	36,73	50.808.210.000	36,73	38.938.780.000	38,00
	<u>138.292.410.000</u>	<u>100</u>	<u>138.292.410.000</u>	<u>100</u>	<u>102.438.830.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.243.883	10.243.883
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.829.241	10.243.883
- Cổ phiếu phổ thông	13.829.241	10.243.883
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.829.241	10.243.883
- Cổ phiếu phổ thông	13.829.241	10.243.883
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

16. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	58.883.659.135	26.432.368.189
Vốn điều lệ góp bởi các cổ đông không kiểm soát	11.449.880.000	25.756.600.000
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	15.636.451.694	14.751.268.137
Cổ tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(9.362.648.687)	(6.607.587.479)
Các điều chỉnh khác	(1.385.775.190)	(1.448.989.712)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>75.221.566.952</u>	<u>58.883.659.135</u>

17. DOANH THU

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu công trình	90.572.945.618	107.895.695.009
- Doanh thu bán hàng hóa	680.867.635.163	558.676.932.304
- Doanh thu dịch vụ	25.155.278.564	9.714.910.592
	<u>796.595.859.345</u>	<u>676.287.537.905</u>
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	(76.160.700)	-
	<u>796.519.698.645</u>	<u>676.287.537.905</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Bao gồm:		
- Giá vốn hàng hóa đã bán	86.428.338.552	71.227.926.395
- Giá vốn thành phẩm đã bán	545.945.451.195	477.339.478.674
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.195.917.015	5.284.657.483
	<u>636.569.706.762</u>	<u>553.852.062.552</u>

ÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	84.662.897	67.729.851
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.775.455	18.045.008
	<u>217.600.794</u>	<u>86.527.386</u>

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	12.002.158.470	9.142.501.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.735.382	270.701.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	185.627.103	333.467.262
Khác	1.112.516	-
	<u>12.240.633.471</u>	<u>9.746.670.204</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	9.144.711.503	5.710.394.626
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	279.612.949	380.588.534
Chi phí bảo hành	10.038.796.848	5.653.540.713
Chi phí khấu hao	134.764.265	46.943.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.227.171	711.746.849
Chi phí khác bằng tiền	327.599.004	204.430.467
	<u>20.733.711.740</u>	<u>12.707.644.788</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018	2017
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	29.587.109.603	22.929.728.009
Chi phí dự phòng	1.461.566.371	393.931.551
Chi phí đồ dùng văn phòng	538.616.975	1.067.940.493
Chi phí khấu hao TSCĐ	985.407.929	674.361.621
Thuế, phí và lệ phí	2.831.850.898	946.212.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.832.997.028	5.215.401.687
Chi phí khác	22.721.863.239	15.809.391.056
	<u>66.959.412.043</u>	<u>47.036.967.194</u>

ÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2018 VNĐ	2017 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	46.154.678.029	53.255.619.625
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	-
Cộng: Lỗ của các công ty con	(801.412.781)	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.224.163.977	2.297.167.863
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>47.577.429.225</u>	<u>55.552.787.488</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	13.283.141.862	11.161.893.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u><u>13.283.141.862</u></u>	<u><u>11.161.893.179</u></u>

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2018 VNĐ	2017 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.235.084.473	27.342.458.309
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.630.383.092)	(11.246.278.212)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.604.701.381	16.096.180.097
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.756.609	9.945.389
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>987</u></u>	<u><u>1.618</u></u>


PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

**NGUYỄN BÁ TRÍ**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MÃU B 09-DN

THÔNG TIN THÊM:**I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018**

CHỈ TIÊU	NĂM 2018					
	HOLDING	HUNG TRÍ	HOÀNG TÂM	AC&R	LIÊN KẾT	TỔNG CỘNG
1. Lợi nhuận sau thuế TNDN HN	8.507.414.652	36.969.438.257	8.908.389.327	3.998.949.180	-	58.384.191.416
2. Ảnh hưởng của Điều chỉnh HN:						
2.1 Phần TN từ Maviflex	-	-	-	-	167.684.787	167.684.787
2.2 Phần TN từ Iwatani	-	-	-	-	355.540.060	355.540.060
2.3 Cổ tức từ Hưng Trí CP	(25.600.675.287)	-	-	-	-	(25.600.675.287)
2.4 Cổ tức từ Ba Huân	-	-	(435.204.809)	-	-	(435.204.809)
1. Lợi nhuận sau điều chỉnh HN	(17.093.260.635)	36.969.438.257	8.473.184.518	3.998.949.180	523.224.847	32.871.536.167
2. Phân chia lợi nhuận:						
2.1 Công ty mẹ	(17.207.240.939)	24.592.002.635	5.411.460.191	3.915.637.739	523.224.847	17.235.084.473
2.2 Cổ đông không kiểm soát	113.980.304	12.377.435.622	3.061.724.327	83.311.441	-	15.636.451.694



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 28 tháng 3 năm 2019



NGUYỄN BÁ TRÍ
Tổng Giám đốc

